

11/01/2021 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

3. Họ và tên: **N.V.C**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1973, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn H, xã C, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Nông; Con ông: N.Đ (chết) và bà: N.T.L, SN: 1927; Vợ: T.T.H, sinh năm: 1985; Con: 03 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 09/01/2021 đến ngày 11/01/2021 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

4. Họ và tên: **K.T.P**, tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1973, tại: tỉnh B; Nơi cư trú: thôn L, xã C, huyện A, tỉnh B; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Nông; Con ông: K.S, SN: 1942 và bà: N.T.T, SN: 1948; Vợ: T.T.T, SN: 1973; Con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự: Bị cáo bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 09/01/2021 đến ngày 11/01/2021 thì được thay thế biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h30 ngày 08/01/2021, sau khi đi dự đám cưới về N.T.C điện thoại rủ N.V.C, P.N.H và K.T.P đến nhà của N.T.C ở thôn H, xã C, huyện A, tỉnh B để nhậu và đánh bài. Tất cả đồng ý đến nhà N.T.C; N.T.C đi mua 01 bộ bài Tây (loại 52 lá bài) để bốn người cùng đánh xì tố thắng thua bằng tiền.

Quy định cách chơi: sử dụng 24 lá bài từ 9, 10, J, Q, K, A để đánh, mỗi người bỏ ra 1.500.000đ gọi là tiền “Tẩy” trên chiếu bạc để tố, mỗi lần “tố” từ 50.000đ đến 150.000đ tùy vào cách tố của mỗi người trong một ván bài. Cả bốn người đánh bạc đến khoảng 22h cùng ngày thì bị Công an huyện A bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc 6.000.000đ gồm N.T.C 2.300.000đ, N.V.C 1.800.000đ, P.N.H 700.000đ và K.T.P 1.200.000đ, thu giữ dụng cụ đánh bạc gồm 24 lá bài Tây và 01 cái chặn đã chuyển giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện A chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKSPC, ngày 05/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố các bị cáo N.T.C, P.N.H, N.V.C và K.T.P về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo N.T.C, P.N.H, N.V.C và K.T.P về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS năm 2015 và không có bổ sung gì thêm.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 35, Điều 58 BLHS để tuyên phạt các bị cáo N.T.C, P.N.H, N.V.C và K.T.P với mức hình phạt: Phạt tiền mỗi bị cáo 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Đồng thời đề nghị HĐXX tuyên xử tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.000.000đ và tiêu hủy 24 lá bài và cái chắn mà các bị cáo dùng để đánh bạc.

Trong phần tự bào chữa, các bị cáo N.T.C, P.N.H, N.V.C và K.T.P đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo trước tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác, các biên bản kiểm tra, thu giữ đồ vật có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

Vì muốn thu lợi bất chính và tước đoạt tiền của nhau nên N.T.C đã rủ P.N.H, N.V.C và K.T.P cùng nhau đánh bài xì tố thắng thua bằng tiền trái pháp luật với tổng số tiền là 6.000.000đ thì bị Công an huyện A phát hiện bắt tang và thu giữ tiền cùng tang vật vào lúc 22h ngày 08/01/2021 tại nhà của N.T.C ở thôn H, xã C, huyện A, tỉnh B.

Trong vụ án có nhiều người tham gia nhưng chỉ mang tính đồng phạm giản đơn và không có tính chất chuyên nghiệp. Các bị cáo là những công dân có đầy đủ nhận thức đánh bạc là một tệ nạn xã hội mà pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn tham gia đánh bạc nhằm sát phạt lẫn nhau. Trong vụ án nổi lên vai trò của N.T.C là người rủ rê chuẩn bị công cụ để cùng P.N.H, N.V.C, K.T.P thực hiện việc đánh bạc.

Hành vi của N.T.C cùng đồng phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh

của cộng đồng dân cư và làm mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương do đó đã cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của các bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố các bị cáo N.T.C, P.N.H, N.V.C và K.T.P về tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo N.T.C, P.N.H, N.V.C và K.T.P phạm tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần phải xét xử các bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, HĐXX thấy rằng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng TNHS. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đều thành khẩn khai báo tỏ ý ăn năn hối cải bước đầu, tất cả các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS nêu trên quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Do đó cần xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt khi quyết định hình phạt.

Xét thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhân thân tốt, số tiền các bị cáo đánh bạc thấp nên HĐXX thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống bình thường của xã hội mà áp dụng Điều 35 BLHS để xử phạt các bị cáo nghĩ cũng đủ tác dụng giáo dục răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên được HĐXX chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự và các biện pháp tư pháp khác:

[5.1]. Về trách nhiệm dân sự: Không.

[5.2]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) các đối tượng dùng để đánh bạc; Tịch thu tiêu hủy lá bài từ 9, 10, J, Q, K, A trong bộ bài Tây 52 lá, 01 (*Một*) chiếc chăn (mềm kích thước 223cm x 200cm) đã qua sử dụng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

[6]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố: Các bị cáo N.T.C, P.N.H, N.V.C và K.T.P phạm tội: “Đánh bạc”.

[2]. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 35 BLHS

+ Xử phạt:

- Bị cáo N.T.C 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Nộp ngân sách nhà nước.
- Bị cáo P.N.H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Nộp ngân sách nhà nước.
- Bị cáo N.V.C 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Nộp ngân sách nhà nước.
- Bị cáo K.T.P 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Nộp ngân sách nhà nước.

[3]. Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[3.1]. Trách nhiệm dân sự: Không.

[3.2]. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS, điểm b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu và tiêu hủy các vật chứng sau: Thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*); Tịch thu tiêu hủy lá bài từ 9, 10, J, Q, K, A trong bộ bài Tây 52 lá, 01 (*Một*) chiếc chăn (mềm kích thước 223cm x 200cm) đã qua sử dụng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo N.T.C, P.N.H, N.V.C và K.T.P phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí HSST sung vào ngân sách nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A (02b);
- CA huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA H.A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L

